

CÔNG TY CP MAY XUẤT KHẨU PHAN
THIỆT

Số: 07/2024/CBTT

V/v: Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phan Thiết, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1/Tên TCPH: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

2/Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

3/Trụ sở chính: 282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Tp Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

4/Điện thoại: 0252.3821947 - Fax: 0252.3823347

5/Mã chứng khoán : PTG , Sàn giao dịch : UPCOM -

6/Người thực hiện công bố thông tin: HUỲNH THỊ NGỌC CHÂN, là Giám đốc Tài chính

7/ Nội dung của thông tin công bố: CBTT về Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Địa chỉ Website đăng tải: www.phanthietgarment.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



HUỲNH THỊ NGỌC CHÂN

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*



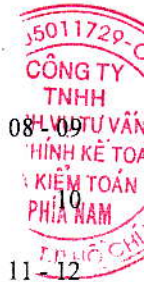
Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết tiền thân là Xí nghiệp May Phan Thiết là đơn vị trực thuộc Công ty May Mặc Xuất Khẩu Bình Thuận được thành lập từ tháng 1 năm 1994. Đến tháng 9 năm 2002, Xí nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết theo quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400353333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2002 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty hiện được đăng ký giao dịch tại sàn UpCom với mã “PTG”.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 49.961.850.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49.961.850.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất quần áo, dịch vụ thương mại và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Huỳnh Văn Nghi	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Quốc Bình	Phó Chủ tịch
Ông	Lê Thanh Hoài Vũ	Thành viên
Bà	Đặng Thùy Mai	Thành viên
Bà	Trần Thị Tuyết Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Lê Thanh Hoài Vũ	Tổng Giám đốc
Bà	Huỳnh Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Đặng Thùy Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Huỳnh Thị Ngọc Chấn	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Tấn Vũ	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên
Ông	Đoàn Tấn Kiều	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông	Huỳnh Văn Nghi	
-----	----------------	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 02 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Huỳnh Mỹ Linh

(Theo Giấy ủy quyền số 01GUQ/PTG ngày 02/01/2024)

011729
CÔNG TY
TNHH
H VU TU V
HÌNH KẾ T
KIỂM TO
PHÍA NAM
T.P.HỒ

58333
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY XUẤT K
PHAN THIẾT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Đại diện pháp luật



Huỳnh Văn Nghi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Đại diện pháp luật của Công ty phê duyệt Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023 của Công ty

Số: 27 /BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được lập ngày 01/02/2024, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 13 tháng 02 năm 2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		281.295.211.998	255.870.101.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	80.773.892.017	156.877.207.899
1. Tiền	111		18.173.892.017	25.227.207.899
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.600.000.000	131.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		146.000.000.000	43.750.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.03	146.000.000.000	43.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.293.201.560	48.607.397.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.877.103.033	36.939.574.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.000.000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	12.284.098.527	11.667.822.972
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	6.041.107.368	4.928.716.754
1. Hàng tồn kho	141		6.041.107.368	4.928.716.754
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.187.011.053	1.706.779.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	656.637.463	183.743.294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		530.373.590	1.523.036.519
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.487.847.015	41.282.848.133
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.196.883.300	33.511.476.190
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	28.084.573.018	28.290.088.308
- Nguyên giá	222		153.454.283.893	145.249.229.359
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.369.710.875)	(116.959.141.051)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	5.112.310.282	5.221.387.882
- Nguyên giá	228		6.998.251.392	6.998.251.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.885.941.110)	(1.776.863.510)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.08	2.934.890.915	3.301.754.915
- Nguyên giá	231		5.633.101.505	5.633.101.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.698.210.590)	(2.331.346.590)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	2.670.725.674	2.670.725.674
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.670.725.674	2.670.725.674
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.685.347.126	1.798.891.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.685.347.126	1.798.891.354
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		321.783.059.013	297.152.949.975

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

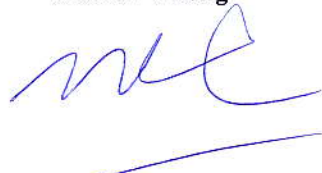
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.684.736.679	153.850.464.621
I. Nợ ngắn hạn	310		146.684.736.679	153.850.464.621
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.097.066.303	6.312.702.333
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	706.448.252
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.645.324.927	4.441.067.245
4. Phải trả người lao động	314		126.120.916.861	135.078.444.554
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	51.985.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	252.735.201	300.252.060
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.568.693.387	6.959.565.177
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.098.322.334	143.302.485.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	175.098.322.334	143.302.485.354
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		49.961.850.000	49.961.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		49.961.850.000	49.961.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.981.812.000	3.981.812.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.961.087.293	11.961.087.293
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		62.471.366.061	28.060.419.435
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.722.206.980	49.337.316.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		46.722.206.980	49.337.316.626
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		321.783.059.013	297.152.949.975

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nữ

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Ngọc Chấn

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Huỳnh Mỹ Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	460.825.919.834	501.025.983.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		460.825.919.834	501.025.983.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	404.098.962.589	436.974.279.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.726.957.245	64.051.703.965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	15.544.299.547	12.867.934.103
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	794.721.111	2.232.141.759
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.751.419.800	1.835.307.600
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	12.243.705.473	12.007.664.739
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.481.410.408	60.844.523.970
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	VI.06	33.306.098	27.149.009
14. Lợi nhuận khác	40		(33.306.098)	(27.149.009)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.448.104.310	60.817.374.961
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	10.725.897.330	11.480.058.335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.722.206.980	49.337.316.626
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		46.722.206.980	49.337.316.626
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	9.352	8.931
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	9.352	8.931

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nữ

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Ngọc Chấn

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Huỳnh Mỹ Linh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.448.104.310	60.817.374.961
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.982.802.981	8.527.551.299
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		142.234.927	565.448.334
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.360.153.601)	(5.552.041.559)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.212.988.617	64.358.333.035
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		3.483.808.764	(16.777.383.544)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.112.390.614)	1.450.762.579
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.632.041.124)	32.506.431.536
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(359.349.941)	(982.403.401)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.526.776.878)	(6.085.900.279)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.324.871.790)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.741.367.034	74.469.839.926
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.301.346.091)	(5.301.357.282)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(205.330.000.000)	(364.050.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		103.080.000.000	394.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.713.112.505	5.823.942.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(100.838.233.586)	31.272.585.647

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.983.952.000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.992.370.000)	(59.954.220.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.992.370.000)	(56.970.268.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(76.089.236.552)	48.772.157.573
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		156.877.207.899	108.153.219.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.079.330)	(48.169.129)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	80.773.892.017	156.877.207.899

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nữ

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Ngọc Chấn

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Huỳnh Mỹ Linh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết tiền thân là Xí nghiệp May Phan Thiết là đơn vị trực thuộc Công ty May Mặc Xuất Khẩu Bình Thuận được thành lập từ tháng 1 năm 1994. Đến tháng 9 năm 2002, Xí nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết theo quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400353333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2002 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty hiện được đăng ký giao dịch tại sàn UpCom với mã “PTG”.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 49.961.850.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49.961.850.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất quần áo, dịch vụ thương mại và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính này.

6. Số lượng nhân viên: Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 2.876 nhân viên (Tại ngày 31/12/2022 có 2.867 nhân viên).

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2023, Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết có (01) Công ty con. Chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ PLG	Khu Phố Phú Trường, Thị Trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, VN	Cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống	100%	100%	100%	100%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

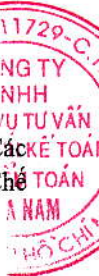
c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải	05 - 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là 49 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15

33050117
CÔNG
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
CHÍNH K
VA KIỂM T
PHÍA NA
- T.P.H
353333
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY XUẤT K
PHAN THI
PHIẾT - T

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia sẽ được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	21.232.486	34.985.550
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.152.659.531	25.192.222.349
- Các khoản tương đương tiền (*)	62.600.000.000	131.650.000.000
Cộng	<u>80.773.892.017</u>	<u>156.877.207.899</u>

Ghi chú:

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng, lãi suất dao động từ 2,3% đến 4,2%/năm.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a. Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Itochu	34.877.103.033	36.939.574.404
- Nomura Trading Co., Ltd	26.432.789.085	30.934.980.555
- Các khách hàng khác	4.891.462.098	3.628.315.432
	3.552.851.850	2.376.278.417

b. Dài hạn

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a.1 Ngắn hạn	146.000.000.000	146.000.000.000	43.750.000.000	43.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	146.000.000.000	146.000.000.000	43.750.000.000	43.750.000.000
a.2 Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	146.000.000.000	146.000.000.000	43.750.000.000	43.750.000.000

Ghi chú:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng, lãi suất dao động từ 3,5% đến 4,6%/năm.

Chi tiết khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Thuận	96.000.000.000	31.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Thuận	50.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Thuận	-	750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	12.284.098.527	-	11.667.822.972	-
- Tạm ứng	60.363.691	-	53.932.212	-
- Phải thu khác	12.223.734.836	-	11.613.890.760	-
+ Tiền ăn ca của người lao động	65.758.000	-	73.243.320	-
+ Thu lại tiền bảo hiểm của CNV	1.246.664.370	-	1.276.376.070	-
+ Dự thu lãi tiền gửi	918.942.466	-	271.901.370	-
+ Tạm ứng cổ tức 20% vốn điều lệ trong năm (*)	9.992.370.000	-	9.992.370.000	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	12.284.098.527	-	11.667.822.972	-

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023 NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2023 và Nghị quyết HĐQT số 02/2023 NQ-HĐQT ngày 15/04/2023, Công ty đã tiến hành tạm chi cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2023 cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ chi cổ tức là 20%/ cổ phần.

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.177.940.990	-	4.237.518.727	-
- Công cụ, dụng cụ	863.166.378	-	691.198.027	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	6.041.107.368	-	4.928.716.754	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	50.687.593.924	86.055.430.972	4.293.608.450	4.212.596.013	145.249.229.359
2. Số tăng trong năm	111.190.632	8.190.155.459	-	-	8.301.346.091
- Mua trong năm	111.190.632	8.190.155.459	-	-	8.301.346.091
3. Số giảm trong năm	-	96.291.557	-	-	96.291.557
- Thanh lý, nhượng bán	-	96.291.557	-	-	96.291.557
4. Số dư cuối năm	50.798.784.556	94.149.294.874	4.293.608.450	4.212.596.013	153.454.283.893
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	42.122.213.693	67.268.849.682	3.506.461.694	4.061.615.982	116.959.141.051
2. Số tăng trong năm	1.117.115.648	6.946.981.733	368.592.000	74.172.000	8.506.861.381
- Khấu hao tăng trong năm	1.117.115.648	6.946.981.733	368.592.000	74.172.000	8.506.861.381
3. Giảm trong năm	-	96.291.557	-	-	96.291.557
- Thanh lý, nhượng bán	-	96.291.557	-	-	96.291.557
4. Số dư cuối năm	43.239.329.341	74.119.539.858	3.875.053.694	4.135.787.982	125.369.710.875
III. Giá trị còn lại					
1. Số dư đầu năm	8.565.380.231	18.786.581.290	787.146.756	150.980.031	28.290.088.308
2. Số dư cuối năm	7.559.455.215	20.029.755.016	418.554.756	76.808.031	28.084.573.018

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 86.279.494.705 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 85.886.349.991 đồng).



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất tại VPĐD	Quyền sử dụng đất tại Công ty	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	1.653.225.000	5.345.026.392	6.998.251.392
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.653.225.000	5.345.026.392	6.998.251.392
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	1.776.863.510	1.776.863.510
2. Số tăng trong năm	-	109.077.600	109.077.600
- Khấu hao tăng trong năm	-	109.077.600	109.077.600
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	1.885.941.110	1.885.941.110
III. Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu năm	1.653.225.000	3.568.162.882	5.221.387.882
2. Số dư cuối năm	1.653.225.000	3.459.085.282	5.112.310.282

8. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	5.633.101.505	-	-	5.633.101.505
- Nhà	5.633.101.505	-	-	5.633.101.505
Giá trị hao mòn lũy kế	2.331.346.590	366.864.000	-	2.698.210.590
- Nhà	2.331.346.590	366.864.000	-	2.698.210.590
Giá trị còn lại	3.301.754.915	-	366.864.000	2.934.890.915
- Nhà	3.301.754.915	-	366.864.000	2.934.890.915

b) Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

Ghi chú:

Giá trị "Bất động sản đầu tư" là giá trị quyết toán giai đoạn I của hạng mục Dự án Nhà ở thu nhập thấp cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành nghiệm thu và đưa vào sử dụng cho người lao động có thu nhập thấp tại công ty thuê theo dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>	-	-
<i>b. Xây dựng cơ bản dở dang</i>	2.670.725.674	2.670.725.674
- Dự án cụm công nghiệp Phú Long - Huyện Hàm Thuận Bắc (*)	2.670.725.674	2.670.725.674

Ghi chú:

(*) Dự án được chấp thuận thực hiện theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2596/QĐ - UBND ngày 07/09/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, cho đến nay dự án chưa được tiếp tục triển khai do còn vướng mắc một số vấn đề liên quan đến phê duyệt giá đất cụ thể, áp dụng giá đền bù, thu hồi đất, giao đất...

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, Công ty đã có báo cáo gửi Sở Công thương tỉnh Bình Thuận về việc báo cáo tình hình triển khai đến tháng 12/2022 của dự án Hạ tầng khu Công nghiệp Phú Long đề xuất các kiến nghị, đề nghị Sở Công thương quan tâm và tiếp tục hỗ trợ dự án sớm được thực hiện.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	656.637.463	183.743.294
- Chi phí công cụ, dụng cụ	112.288.478	183.743.294
- Chi phí sửa chữa, cải tạo máy móc, nhà xưởng	544.348.985	-
<i>b. Dài hạn</i>	1.685.347.126	1.798.891.354
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.140.610.343	1.094.851.195
- Chi phí sửa chữa, cải tạo máy móc, nhà xưởng	544.736.783	704.040.159
Cộng	<u>2.341.984.589</u>	<u>1.982.634.648</u>

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	4.097.066.303	4.097.066.303	6.312.702.333	6.312.702.333
- Công ty TNHH SX-TM T&T	-	-	1.159.449.649	1.159.449.649
- Gerber Scientific International Limited	-	-	779.849.028	779.849.028
- Công ty TNHH Moririn Việt Nam	764.875.766	764.875.766	729.031.630	729.031.630
- Công ty TNHH Bao Bì Trung Phát	604.716.965	604.716.965	470.247.170	470.247.170
- Các nhà cung cấp khác	2.727.473.572	2.727.473.572	3.174.124.856	3.174.124.856
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	<u>4.097.066.303</u>	<u>4.097.066.303</u>	<u>6.312.702.333</u>	<u>6.312.702.333</u>

*c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán**d. Phải trả người bán là các bên liên quan*

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	4.441.067.245	13.422.161.876	10.217.904.194	7.645.324.927
Thuế giá trị gia tăng	85.477.255	1.093.071.462	1.095.467.739	83.080.978
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.286.494.313	10.725.897.330	7.526.776.878	7.485.614.765
Thuế thu nhập cá nhân	69.095.677	1.499.635.616	1.492.102.109	76.629.184
Thuế khác	-	103.557.468	103.557.468	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	252.735.201	300.252.060
- Kinh phí công đoàn	235.522.180	241.533.400
- Tiền thuế TNCN của CNV thu dư	-	28.540.639
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.213.021	30.178.021
b. Dài hạn		
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

01172
CÔNG TY
TNHH
CH VỤ TƯ
HÌNH KẾ
KIỂM TO
PHAN THIẾT
P. PHỐ

3A00353
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY XUẤT K
PHAN THIẾT
VIỆT - T. B.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	48.643.850.000	2.315.860.000	11.961.087.293	53.235.803.421	38.350.236.014	154.506.836.728
- Tăng vốn trong năm	1.318.000.000	1.665.952.000	-	-	-	2.983.952.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	49.337.316.626	49.337.316.626
- Kết chuyển từ Lợi nhuận chưa phân phối sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	24.786.466.014	(24.786.466.014)	-
- Hạch toán phân phối lợi nhuận năm 2021 - cổ tức đã tạm chia trong năm 2021	-	-	-	-	(9.728.770.000)	(9.728.770.000)
- Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(49.961.850.000)	-	(49.961.850.000)
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.835.000.000)	(3.835.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	49.961.850.000	3.981.812.000	11.961.087.293	28.060.419.435	49.337.316.626	143.302.485.354
Số dư tại ngày 01/01/2023	49.961.850.000	3.981.812.000	11.961.087.293	28.060.419.435	49.337.316.626	143.302.485.354
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	46.722.206.980	46.722.206.980
- Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết ĐHCĐ	-	-	-	-	-	-
+ Tạm chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(9.992.370.000)	(9.992.370.000)
+ Trích Quỹ khác	-	-	-	34.410.946.626	(34.410.946.626)	-
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.934.000.000)	(4.934.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	49.961.850.000	3.981.812.000	11.961.087.293	62.471.366.061	46.722.206.980	175.098.322.334

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2023 NQ-ĐHCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2023, Công ty đã tiến hành tạm chia cổ tức 20% trên vốn điều lệ từ lợi nhuận của năm 2022 bằng tiền mặt.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	49.961.850.000	49.961.850.000
Cộng	49.961.850.000	49.961.850.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	49.961.850.000	48.643.850.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	1.318.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	49.961.850.000	49.961.850.000
<i>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	9.992.370.000	9.728.770.000

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.996.185	4.996.185
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.996.185	4.996.185
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.996.185	4.996.185
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.996.185	4.996.185
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.996.185	4.996.185

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu****e. Các quỹ của doanh nghiệp***

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Quỹ khen thưởng	11.961.087.293	11.961.087.293
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	62.471.366.061	28.060.419.435

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- Đô la Mỹ (USD)	490.389,85	985.692,23

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

- Doanh thu gia công xuất khẩu
- Doanh thu gia công nội địa
- Doanh thu khác

Cộng

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
458.234.274.638	498.745.988.388
1.309.478.440	2.170.829.785
1.282.166.756	109.164.899
460.825.919.834	501.025.983.072

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn gia công xuất khẩu
- Giá vốn gia công nội địa
- Giá vốn hoạt động khác

Cộng

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
401.825.952.756	433.424.604.905
1.148.282.551	1.886.513.503
1.124.727.283	1.663.160.699
404.098.962.589	436.974.279.107

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Dự thu lãi tiền gửi

Cộng

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
9.441.211.135	5.823.942.929
5.184.145.946	6.772.089.804
918.942.466	271.901.370
15.544.299.547	12.867.934.103

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
652.486.184	1.666.693.425
142.234.927	565.448.334
794.721.111	2.232.141.759

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1.751.419.800	1.835.307.600
1.751.419.800	1.835.307.600

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
12.243.705.473	12.007.664.739
5.458.656.200	5.391.742.000
6.471.077	3.688.869
1.386.137.172	1.437.759.158
5.392.441.024	5.174.474.712

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	33.306.098	27.149.009
Cộng	33.306.098	27.149.009

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.904.406.497	50.378.835.537
- Chi phí nhân công	327.266.567.004	347.268.020.016
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.982.802.981	8.512.407.633
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.707.339.013	10.929.474.682
- Chi phí bằng tiền khác	36.978.765.616	33.728.513.578
Cộng	418.839.881.111	450.817.251.446

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Công ty và công ty con</i>		
Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết	10.725.022.330	11.479.058.335
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ PLG	875.000	1.000.000
Cộng	10.725.897.330	11.480.058.335

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.722.206.980	49.337.316.626
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.934.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.996.185	4.971.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.352	8.931

Ghi chú:

"Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2022 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023 NQ-ĐHCD ngày 09 tháng 04 năm 2023. Việc xác định lại nêu trên làm cho "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2022 giảm từ 9.923 VND/cổ phiếu thành 8.931 VND/cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay chưa được Đại hội cổ đông phê duyệt hoặc tạm trích, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

10. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.722.206.980	49.337.316.626
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.934.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.996.185	4.971.925
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.352	8.931

Ghi chú:

"Lãi suy giảm trên cổ phiếu" năm 2022 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023 NQ-ĐHCD ngày 09 tháng 04 năm 2023. Việc xác định lại nêu trên làm cho "Lãi suy giảm trên cổ phiếu" năm 2022 giảm từ 9.923 VND/cổ phiếu thành 8.931 VND/cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay chưa được Đại hội cổ đông phê duyệt hoặc tạm trích, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức của Đại hội đồng cổ đông.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm: Không phát sinh.
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm: Không phát sinh.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN*****a. Các bên liên quan***

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ PLG	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác trong năm:

Thù lao Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Huỳnh Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	9.600.000	9.600.000
Nguyễn Quốc Bình	Phó Chủ tịch thường trực	9.600.000	9.600.000
Lê Thanh Hoài Vũ	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Đặng Thuỳ Mai	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Trần Thị Tuyết Thanh	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Cộng		48.000.000	48.000.000

Thù lao Ban kiểm soát

Nguyễn Tấn Vũ	Trưởng ban	4.800.000	4.800.000
Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên	4.800.000	4.800.000
Đoàn Tấn Kiều	Thành viên	4.800.000	4.800.000
Cộng		14.400.000	14.400.000

Lương, thưởng Ban điều hành

Huỳnh Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	1.545.456.000	1.471.942.000
Nguyễn Quốc Bình	Phó Chủ tịch thường trực	196.490.000	186.936.000
Lê Thanh Hoài Vũ	Tổng giám đốc	1.545.898.000	1.470.170.000
Huỳnh Mỹ Linh	P. Tổng giám đốc	710.947.000	327.102.000
Đặng Thuỳ Mai	P. Tổng giám đốc	784.947.000	745.144.000
Huỳnh Thị Ngọc Chân	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	783.806.000	745.044.000
Trần Thị Tuyết Thanh	Chủ tịch công đoàn - Thành viên HĐQT	85.851.000	71.596.000
Nguyễn Tấn Vũ	Phó. Phòng NS - Trưởng Ban kiểm soát	269.269.000	255.784.000
Nguyễn Hữu Thắng	Giám đốc hệ thống - Thành viên Ban kiểm soát	293.911.000	279.296.000
Cộng		6.216.575.000	5.553.014.000

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Số dư cuối năm và giao dịch với Công ty con trong năm đã được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.591.645.196	458.234.274.638	460.825.919.834
Giá vốn	2.273.009.833	401.825.952.756	404.098.962.589
Lợi nhuận thuần	318.635.363	56.408.321.882	56.726.957.245

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động gia công hàng hóa là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động gia công hàng hóa là một bộ phận kinh doanh duy nhất.


3. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt kiểm toán.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Nữ

Kế toán trưởng


Huỳnh Thị Ngọc Chấn

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc


Huỳnh Mỹ Linh